

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025	31/3/2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	326.819.068.821	497.675.570.285
<i>Trong đó: chi phí thuế thu nhập hiện hành liên quan đến thu nhập chịu thuế của các kỳ trước</i>	35.226.450.629	21.483.927.809
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
<i>Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời</i>	37.203.858.648	1.181.461.848
Chi phí thuế thu nhập	364.022.927.469	498.857.032.133

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025	31/3/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.951.296.195.523	2.705.840.401.722
Thuế theo thuế suất của Công ty	390.259.239.105	541.168.080.344
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất của các công ty con, các chi nhánh và các nhà máy của Công ty	(22.075.785.549)	(29.240.210.287)
Thu nhập không chịu thuế	-	(618.437)
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.664.966.771	3.167.606.934
Ưu đãi thuế	(19.900.778.437)	(43.025.132.716)
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(23.151.165.050)	5.303.378.486
Chi phí thuế thu nhập hiện hành liên quan đến thu nhập chịu thuế của các kỳ trước	35.226.450.629	21.483.927.809
Chi phí thuế thu nhập	364.022.927.469	498.857.032.133

(c) Thuế suất áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo các mức thuế suất từ 10% đến 21% trên thu nhập chịu thuế tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh chính của các nhà máy và chi nhánh. Công ty và tất cả công ty con đã phát sinh chi phí thuế thu nhập.